CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Bao bì Nhựa Tân Tiến

Ngày 30/09/2024	86,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-5.9%**	**58.4%**

DT thuần
Q3/24
376
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -0.9%
YoY: ▼45.0| -10.8%

LN thuần
Q3/24
28.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80| -25.8%
YoY: ▼23.7| -45.6%

LN sau thuế
Q3/24
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.00| -23.7%
YoY: ▼18.9| -45.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
7.6%
YoY: +/-▼ 2.6%

ROE (TTM)
Q3/24
14.4%
YoY: +/-▼ 2.7%

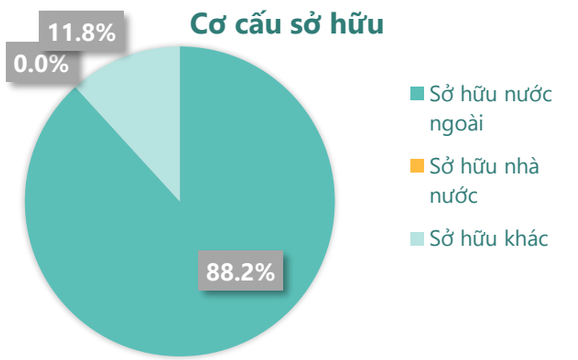
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	33,847 - 130,941
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,171
Số lượng CPLH (CP)	13,517,770
KLGD BQ 20 phiên (CP)	515
Sở hữu nước ngoài	88.2%
Beta	1.34
EPS	9,775
P/E	8.9

DT thuần
9T 2024
1,125
tỷ VNĐ
YoY: ▼169| -13.0%

LN thuần
9T 2024
111
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.0| -20.2%

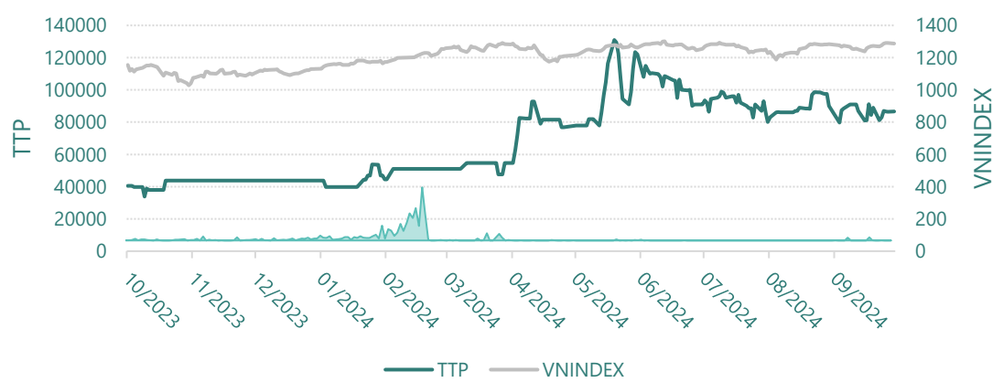
LN sau thuế
9T 2024
87.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.6| -19.1%

Cơ cấu sở hữu

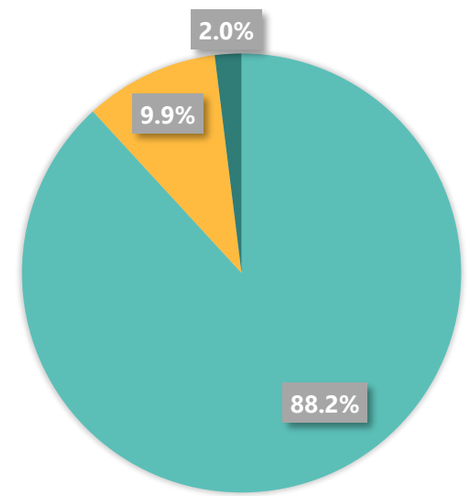


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



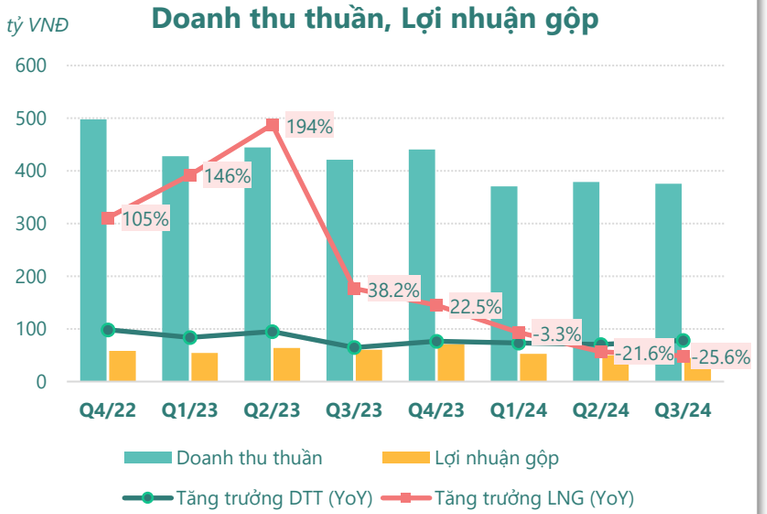
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

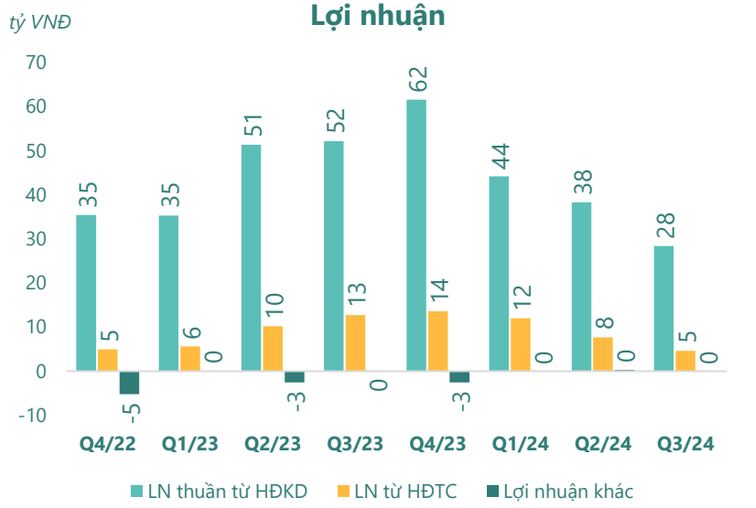
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



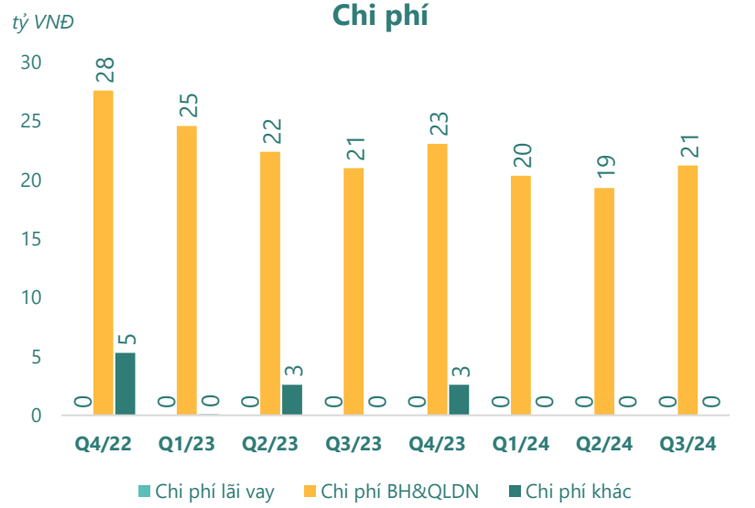
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



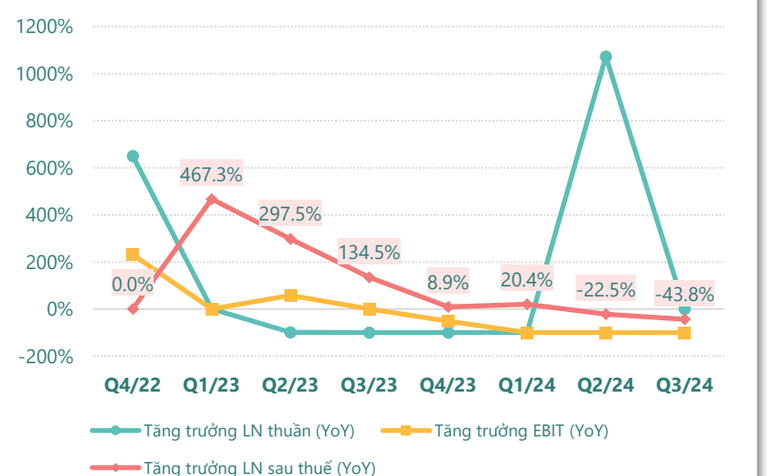
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



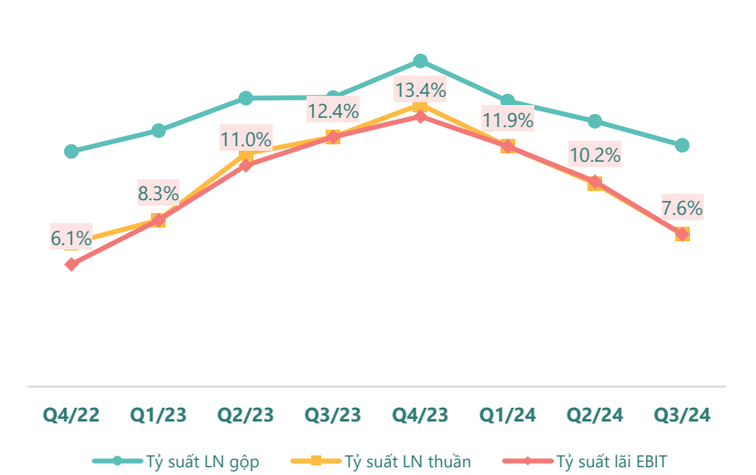
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



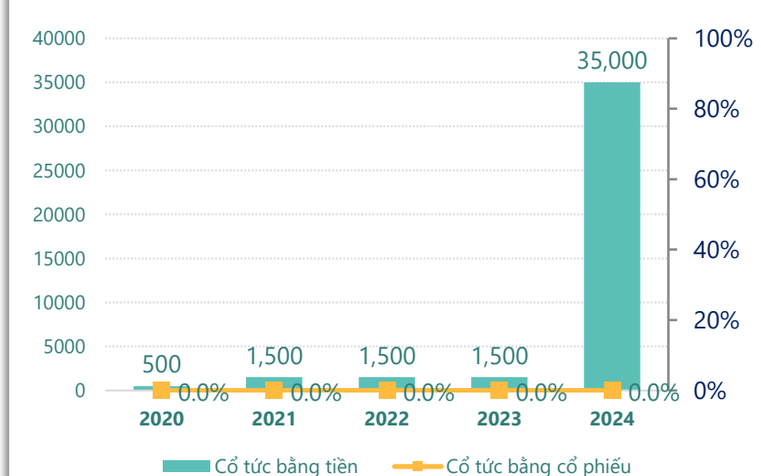
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

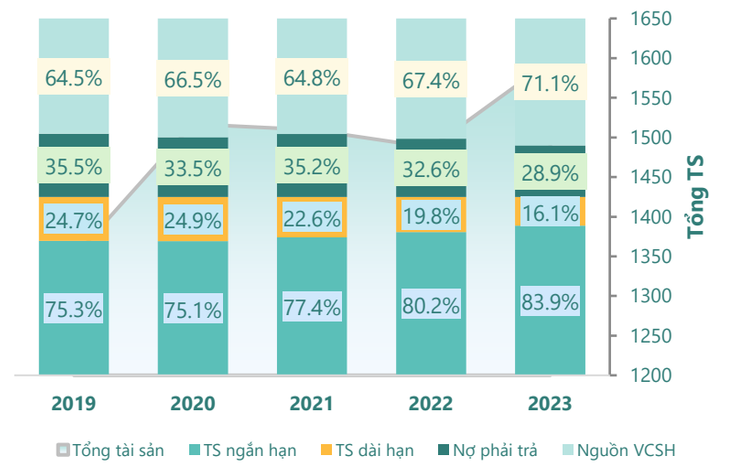
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

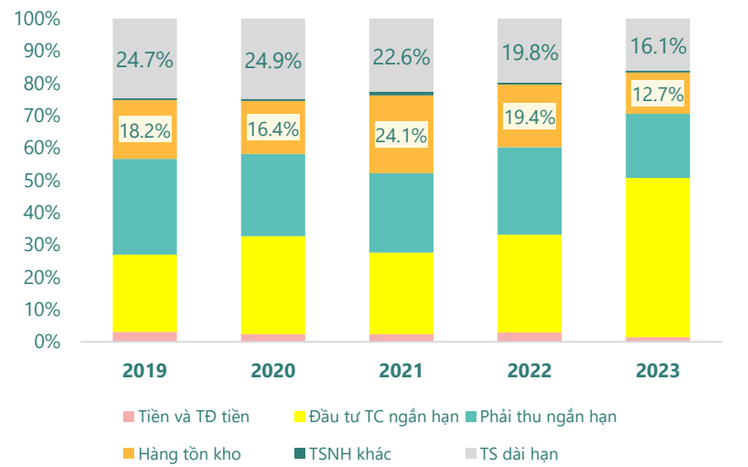
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



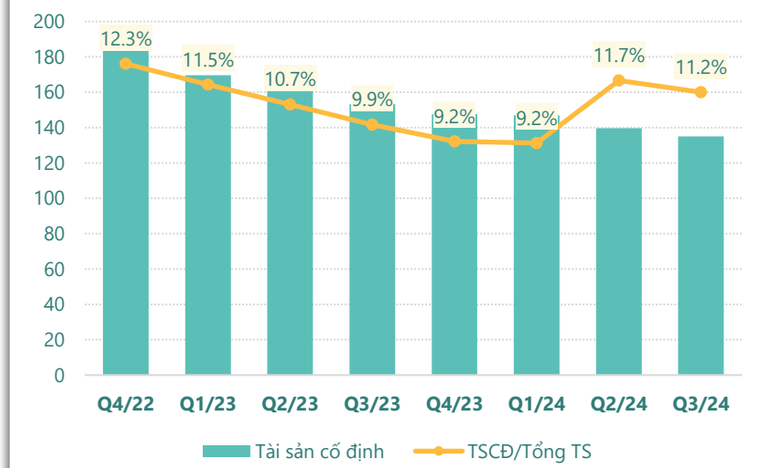
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



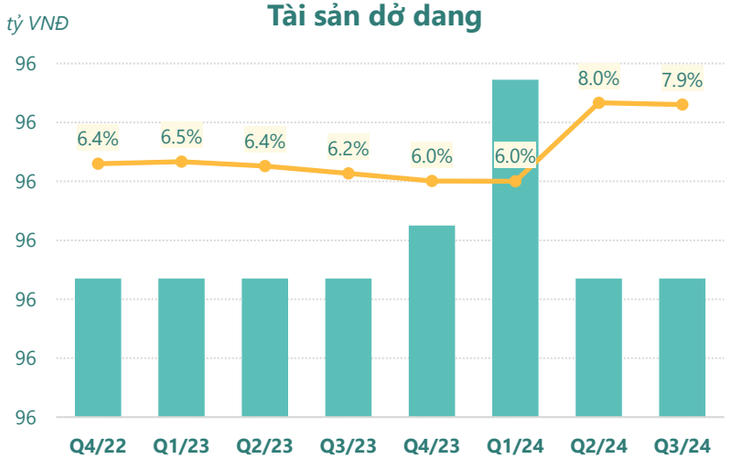
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



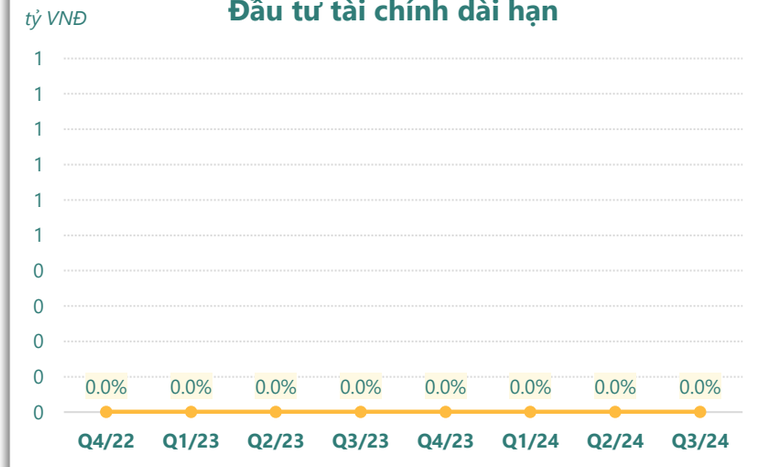
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



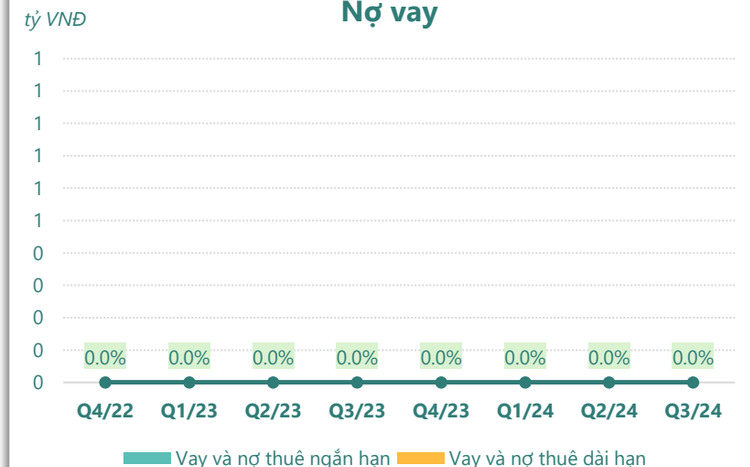
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

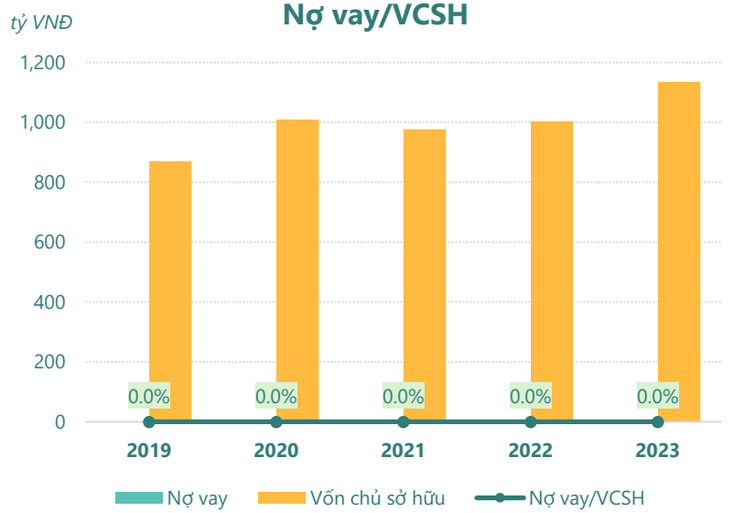
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

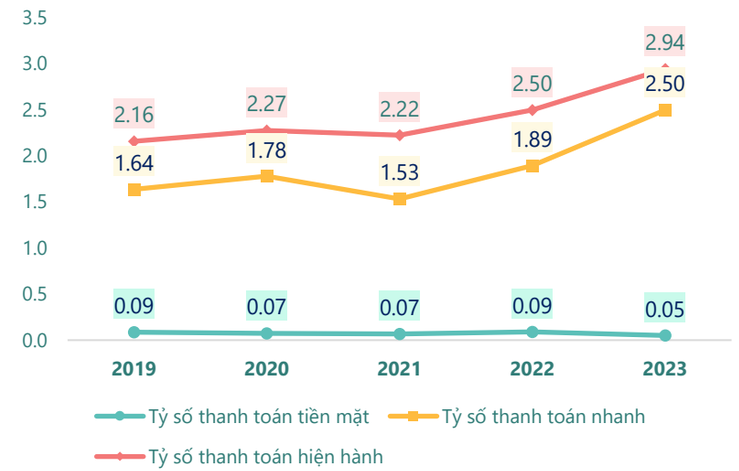
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



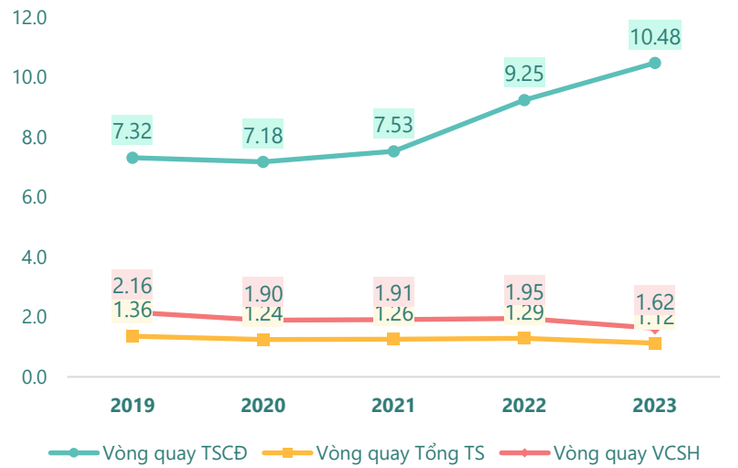
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



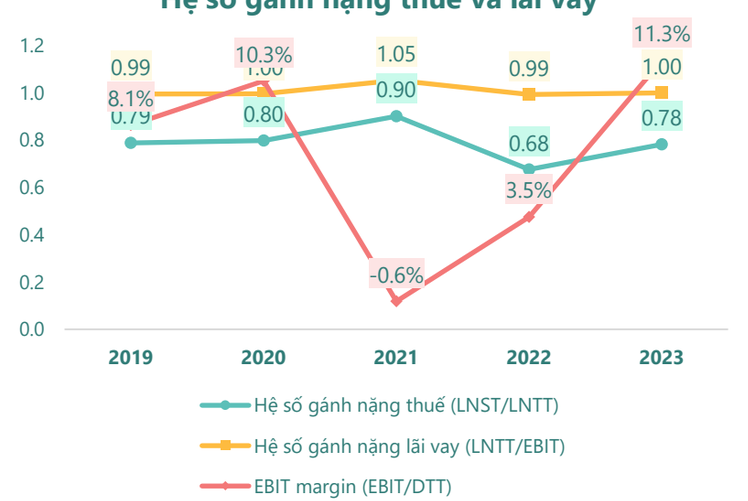
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



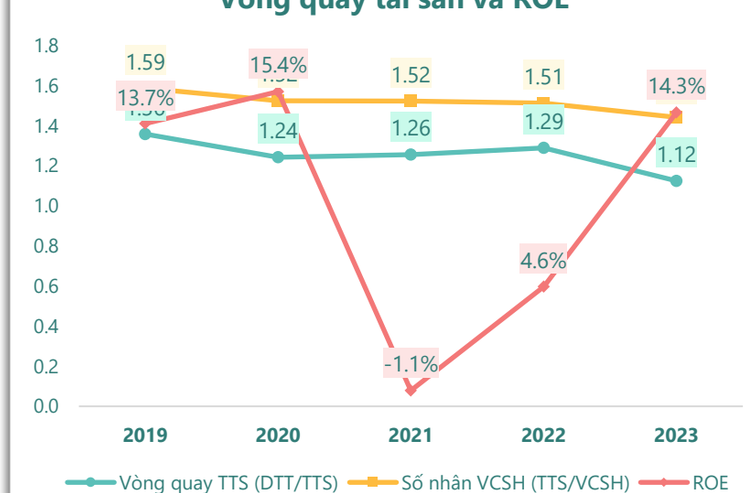
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



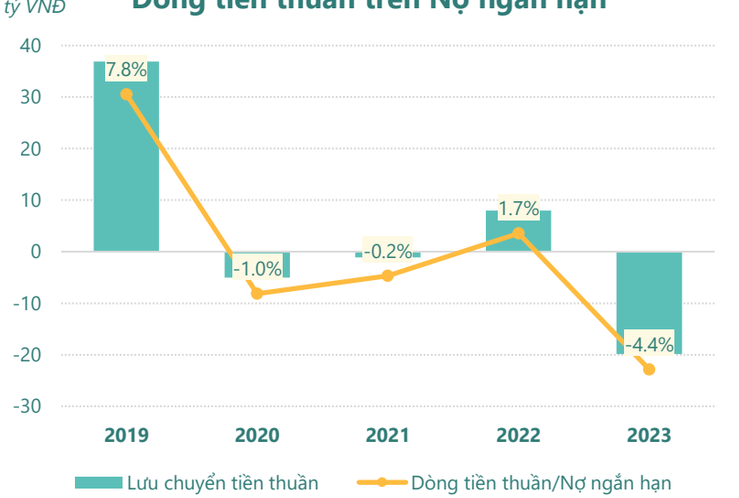
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**376**	**421**	**-10.8%**	**1,125**	**1,294**	**-13.0%**
Giá vốn hàng bán	331	361	-8.4%	978	1,115	-12.3%
Lợi nhuận gộp	44.9	60.4	-25.6%	147	178	-17.4%
Doanh thu HĐTC	7.02	15.2	-53.8%	29.9	37.7	-20.6%
Chi phí TC	2.37	2.45	-3.4%	5.53	9.17	-39.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.4	11.2	1.5%	31.6	37.1	-14.7%
Chi phí QLDN	**9.86**	**9.78**	**0.8%**	**29.3**	**31.0**	**-5.4%**
LN thuần từ HĐKD	28.4	52.1	-45.6%	111	139	-20.2%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.02**	**100.0%**	**0.32**	**-2.54**	**113%**
LN trước thuế	28.4	52.1	-45.6%	111	136	-18.4%
Lợi nhuận sau thuế	**22.6**	**41.5**	**-45.5%**	**87.4**	**108**	**-19.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.6**	**41.5**	**-45.5%**	**87.4**	**108**	**-19.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	82.9	102	15.4	58.6	40.6	-22.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-89.6	-82.4	-16.2	226	175	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.3	0	0	0	-473	-0.01
Tiền đầu kỳ	31.1	4.15	23.8	23.0	308	50.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-27.0**	**19.5**	**-0.77**	**285**	**-258**	**-22.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0.16	-0.01	0.17	0.22	-0.10
Tiền cuối kỳ	4.15	23.8	23.0	308	50.3	27.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,206**	**1,596**	**-24.5%**
Tài sản ngắn hạn	962	1,339	-28.2%
Tiền và tương đương tiền	27.8	23.0	21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	420	786	-46.5%
Phải thu ngắn hạn	290	317	-8.5%
Hàng tồn kho	207	203	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	17.1	10.0	70.3%
Tài sản dài hạn	**244**	**257**	**-5.1%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	135	148	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	95.9	95.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**13.1**	**13.5**	**-3.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	456	461	-1.0%
Nợ ngắn hạn	**451**	**455**	**-1.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	182	187	-2.7%
Nợ dài hạn	5.43	5.49	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**750**	**1,136**	**-34.0%**
Vốn chủ sở hữu	**750**	**1,136**	**-34.0%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)